TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA VÌ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/DS-ST
Ngày: 09/9/2022.
V/v:Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Hoan.
2. Ông Nguyễn Xuân Thuật .

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì *tham gia phiên toà:* Ông Đỗ Xuân Hưng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2022/TLST-DS ngày 27/5/2022 về việc tranh chấp vay tài sản Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXX-ST ngày 22/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1959

Bị đơn: Anh Trương Công S, sinh năm 1980
Chị Phùng Thị P, sinh năm 1982
Cùng địa chỉ: Thôn TL, xã ĐT, huyện Ba Vì, Hà Nội
(Có mặt ông C, anh S, chị P)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C Trình bày trình bày: Tôi với vợ chồng anh Trương Công S, chị Phùng Thị P có quan hệ quen biết. Quá trình làm ăn tôi vay tiền hộ anh S, chị P nhiều lần. Đến nay anh S chị P chưa trả tiền cho tôi, cụ thể như sau:

Đợt 1 vào ngày 16/7/2019 vay số tiền 565.000.000đ, lãi suất vay là 2%/tháng. Tiền lãi tính từ ngày 20/7/2020 đến nay là 26 tháng = (565.000.000đ x 2%) x 26 tháng = 293.800.000đ;

Đợt 2: vào ngày 02/4/2020 vay số tiền 150.000.000đ, lãi suất vay 2%/tháng. Tiền lãi tính từ tháng 5/2021 đến tháng 8/2022 là 15 tháng = (150.000.000 x2%)x 15 = 45.000.000đ;

Đợt 3: số tiền là 16.950.000đ tiền lãi tôi trả hộ anh S;

Đợt 4: Anh S vay nóng số tiền 30.000.000đ tôi không nhớ chính xác ngày vay, hai bên không thỏa thuận lãi.

Nay tôi yêu cầu vợ chồng anh S, chị P phải trả cho tôi tổng số tiền vay gốc là 761.950.000đ; Tiền lãi là 337.000.000đ; Tổng là 1.098.950.000đ.

Tôi không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của tôi trong vụ án dân sự này vì toàn bộ tài liệu chứng cứ chứng minh Công an huyện Ba Vì đã thu giữ trong vụ án hình sự cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự mà Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã xét xử và tuyên án đối với tôi tại bản án hình sự sơ thẩm số 18/2022/HSST ngày 29/3/2022. Tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ba Vì thu thập chứng cứ từ hồ sơ vụ án hình sự, bản kết luận điều tra để giải quyết vụ án.

+ Tại biên bản làm việc ngày 04/8/2022, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn anh Trương Công S và chị Phùng Thị P trình bày:

Vợ chồng tôi xác nhận việc có vay tiền của ông Nguyễn Văn C, toàn bộ việc vay nợ giữa vợ chồng tôi và ông C chúng tôi đã khai và giao nộp tại Cơ quan Điều tra Công an huyện Ba Vì trong vụ án hình sự ông Nguyễn Văn C bị truy tố và xét xử về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Ông C đã phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi cho vay lãi nặng theo bản án hính sự đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì.

Đối với số tiền vay gốc tôi chưa trả cho ông C, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã kết luận. Số tiền gốc còn nợ ông C còn hai khoản:

Khoản 1 là: 500.000.000đ từ các khoản vay nhiều lần cộng dồn lại sau khi đã trừ đi số tiền tôi đã trả. Tiền lãi tôi đã trả theo như kết luận điều tra.

Khoản 2 là: 150.000.000đ tôi vay ngày 24/4/2020 với lãi suất thỏa thuận là 1000đ/1 triệu/ 1 ngày.

Ngoài hai khoản nợ gốc trên, chúng tôi còn vay nóng ông C số tiền 30.000.000đ, hai bên thỏa thuận không có lãi và không lập văn bản, tôi đã trả cho ông C số tiền 20.000.000đ vào ngày ngày 27/12/2020 (âm lịch) có giấy viết biên nhận của ông C. Số

tiền gốc vay nóng còn nợ là 10.000.000đ

Chúng tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ba Vì sử dụng chứng cứ trong vụ án hình sự xét xử ông Nguyễn Văn C về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để giải quyết vụ án dân sự này. Chúng tôi chấp nhận việc trả tiền vay gốc và tiền lãi cho ông C theo phán quyết của Tòa án.

Chúng tôi đề nghị Tòa án đối trừ số tiền 202.604.420đ là nghĩa vụ ông C phải trả cho chúng tôi theo quyết định của bản án hình sự số 18 ngày 29/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì có quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Trình tự thủ tục từ khi nhận đơn, thẩm quyền, thụ lý đơn, ra thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã tuân thủ đúng và đầy đủ theo trình tự tố tụng quy định. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng và đầy đủ theo quy định. Các bên đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn C đối với anh Trương Công S, chị Phùng Thị P. Buộc anh Trương Công S, chị Phùng Thị P phải trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền 780.159.600đ . Đối trừ khoản tiền lãi 214.900.000đ ông C đã nhận và nghĩa vụ của ông C tại bản án số 18/2022/HSST ngày 29/3/2022 thì số tiền vợ chồng anh Trương Công S, chị Phùng Thị P còn phải trả cho ông C là 780.159.600đ – (214.900.000đ + 202.604.420đ) = 362.655.180đ

Sau khi xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận định;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và các yêu cầu của ông Nguyễn Văn C đối với anh Trương Công S, chị Phùng Thị P. Quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội theo quy định tại 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai của nguyên đơn Nguyễn Văn C và bị đơn Trương Công S, Phùng Thị P đều xác nhận: Từ năm 2017, giữa ông Nguyễn Văn C và vợ chồng anh Trương Công S, chị Phùng Thị P có xác lập và thực hiện giao dịch vay tiền nhiều lần. Toàn bộ quá trình vay nợ, tính lãi và trả tiền lãi vay như Kết luận điều tra

số 131/KLĐT ngày 21/11/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Vì là đúng.

Xét tài liệu chứng cứ thu thập từ hồ sơ vụ án hình sư sơ thẩm số 06/2022/HSST ngày 10/02/2022, đã được giải quyết bằng bản án số 18/2022/HSST ngày 29/3/2022 đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì thấy rằng: Khoản vay đã được giải quyết bằng bản án số 18/2022/HSST ngày 29/3/2022 đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì là tiền gốc cho vay từ ngày 08/2/2017 tính đến ngày 01/01/2018 tổng là 130.000.000đ; ông C tiếp tục cho anh S, chị P vay thêm cộng thêm các khoản vay khác tính từ 01/01/2018 đến ngày 12/7/2018 tổng tiền gốc là 210.000.000đ, lãi suất 109,5%/năm; Tiền lãi đã trả đến ngày 04/4/2019. Bản án số 18/2022/HSST ngày 29/3/2022 đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã tuyên: Truy thu buộc ông Nguyễn Văn C phải nộp ngân sách nhà nước là 255.465.580đ, trong đó có 210.000.000đ tiền cho vay gốc; 45.465.580đ là tiền lãi vay tương ứng lãi suất quy định của pháp luật 20%/năm. Buộc ông Nguyễn Văn C phải trả cho anh Trương Công S số tiền 202.604.420đ tiền lãi vượt quá lãi suất 20%/năm.

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu vợ chồng anh S, chị P trả tiền vay gốc số tiền 565.000.000đ ngày 16/7/2019 thấy rằng: Lời khai của ông C, anh S tại bản giải trình ngày 06/9/2021 tại Công an huyện Ba Vì, xác định: Ngày 30/12/2018, anh S vay của ông C tiền gốc là 260.000.000đ, trong đó có 210.000.000đ ngày 12/7/2018 cộng dồn lại. Đến ngày 30/02/2019 anh S chưa trả tiền gốc, tiền lãi trả còn thiếu là 128.000.000đ, tiền phạt thỏa thuận sau 15 ngày không trả là 20.000.000đ. Hai bên thống nhất viết giấy anh S ký nhận nợ là 408.000.000đ. Trên cơ sở giấy nợ 408.000.000đ, ông Sáng cho anh Cường vay thêm 157.000.000đ nên ngày 16/7/2019 anh S ký nhận nợ ông C số tiền 565.000.000đ tiền vay gốc, anh S đã trả ngay 65.000.000đ, còn nợ lại là 500.000.000đ, hai bên thỏa thuận tiền lãi vay là 1000đ/1 triệu/1 ngày. Xét trong số tiền gốc trên thì tiền gốc thực tế chỉ có 260.000.000đ và 157.000.000đ vay thêm, tổng là 417.000.000đ. Trong số tiền gốc này xác định có số tiền gốc 210.000.000đ đã được xác định là công cụ phương tiện phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự tại Bản án số 18/2022/HSST ngày 29/3/2022. Do tiền là phương tiện lưu thông, không phải là vật đặc định; Bản án số 18/2022/HSST đã truy thu buộc ông C phải nộp sung quỹ nhà nước là để đảm bảo hiệu quả quả trừng phạt, răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tại phiên tòa, vợ chồng anh S, chị P đều thừa nhận số tiền này đến nay vợ chồng anh S chưa trả cho ông C. Ông C phải thực hiện nghĩa vụ theo Bản án số 18/2022/HSST ngày 29/3/2022 nên được nhận lại số tiền gốc 210.000.000đ. Đối với số tiền lãi 128.000.000đ là số tiền các bên tính theo thỏa thuận lãi trái pháp luật mà ông Nguyễn Văn C đã phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên không được xem xét.

Đối với tiền lãi trên nợ gốc 565.000.000đ mà ông C yêu cầu: Mặc dù đây là giao dịch cho vay có lãi nhưng các bên có tranh chấp lãi suất, do vậy, tiền lãi chỉ được tính theo quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 468 BLDS là 20%/năm. Như đã nhận định ở trên, mặc dù anh S, chị P thừa nhận chưa trả số tiền 500.000.000đ nhưng trong thực tế khoản vay này thì tiền gốc là 417.000.000đ và trong đó có số tiền 210.000.000đ được xác định là công cụ phương tiện phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, do vậy, không được tính lãi đối với số tiền 210.000.000đ. Tiền lãi theo quy định của pháp luật trên nợ gốc 207.000.000đ từ ngày 16/7/2019 đến ngày 09/9/2022, thời gian là 3 năm 1 tháng 24 ngày, lãi suất 20%/năm = 130.368.600đ.

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn C về số tiền anh Trương Công S, chị Phùng Thị P vay gốc là 150.000.000đ ngày 02/4/2020, tiền lãi 1000đ/1 triệu/1 ngày, tính lãi từ tháng 5/2021 đến nay. Hai bên đều thừa nhận đây là khoản vay độc lập có thỏa thuận lãi. Tuy nhiên lãi suất hai bên thỏa thuận vượt quá giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, do vậy, phần lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Tiền lãi theo quy định của pháp luật trên nợ gốc 150.000.000đ từ ngày 02/4/2020 đến ngày 09/9/2022, thời gian là 2 năm 5 tháng 7 ngày, lãi suất 20%/năm = 72.791.000đ

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn C về số tiền anh Trương Công S, chị Phùng Thị P vay nóng 30.000.000đ không có lãi: Khoản vay này hai bên đương sự không lập văn bản, tuy nhiên lời khai anh Trương Công S trong hồ sơ vụ án hình sự và tại phiên tòa đều thừa nhận có vay nóng của ông C 30.000.000đ, thời gian vay cả hai bên đều không nhớ. Anh S trình bày và đưa ra chứng cứ viết tay của ông C đã nhận số tiền 20.000.000đ, ông C thừa nhận đây là chữ viết chữ ký của ông, do vậy vợ chồng anh S phải tiếp tục trả ông C số tiền vay còn là 10.000.000đ.

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn C về số tiền anh Trương Công S, chị Phùng Thị P về số tiền anh S ký ngày 13/8/2020 nhận nợ số tiền 16.950.000đ tiền lãi chưa trả. Xét nội dung giấy cam kết trên không làm rõ đây là tiền lãi của khoản vay nào. Trong quan hệ vay tiền giữa ông C và vợ chồng anh S đối với các khoản vay có lãi các bên có tranh chấp đều được xem xét cách tính lãi, do vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu số tiền 16.950.000đ.

Như vậy, tổng số tiền vợ chồng anh Trương Công S, chị Phùng Thị P phải trả cho ông Nguyễn Văn C là: 417.000.000đ + 130.368.600đ + 150.000.000đ + 72.791.000đ + 10.000.000đ = 780.159.600đ.

Xét quá trình thực hiện giao dịch vay tiền giữa ông C và vợ chồng anh S về việc trả lãi thấy rằng: Chứng cứ thu thập từ hồ sơ vụ án hình sự xác định, trong thời gian từ ngày 08/8/2020 đến 25/01/2021, vợ chồng anh S đã thực hiện chuyển khoản trả tiền lãi cho ông C tổng số tiền 167.900.000đ qua số tài khoản mang tên Nguyễn Trung Kiên tại Ngân hàng TMCP Quân Đội (số tiền 4 lần là 46.500.000đ) và tài khoản mang tên ông

Nguyễn Văn C tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam 19 lần số tiền là 121.400.000đ; Các bản viết tay của ông C xác nhận đã nhận tổng số tiền mặt là 47.000.000đ; cụ thể ngày 28/8/2019 nhận 15.000.000đ; ngày 04/9/2019 nhận 4.000.000đ, xác nhận đã thanh toán lãi đến ngày 17/12/2019 là 28.000.000đ. Như vậy, số tiền lãi vợ chồng anh S đã trả cho ông C kể từ ngày xác lập giấy vay nợ 16/7/2019, ngày 02/4/2020 đến nay là 214.900.000đ.

Xét yêu cầu của anh Trương Công S về việc đối trừ nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn C với anh S tại bản án hình sự sơ thẩm số 18/2022/HSST ngày 29/3/2022 số tiền 202.604.420đ. Xét thấy bản án số 18/2022/HSST ngày 29/3/2022 đã có hiệu lực thi hành, tại phiên tòa ông C khai nhận chưa trả cho anh S số tiền trên. Xét yêu cầu của anh S để bù trừ nghĩa vụ là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, sau khi đối trừ khoản tiền lãi 214.900.000đ ông C đã nhận và đối trừ nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn C tại bản án số 18/2022/HSST ngày 29/3/2022 thì số tiền vợ chồng anh Trương Công S, chị Phùng Thị P còn phải trả cho ông Nguyễn Văn C là: 780.159.600 - (214.900.000đ + 202.604.420đ) = 362.655.180đ

Về án phí: Anh Trương Công S, chị Phùng Thị P phải chịu án phí đối với nghĩa vụ phải trả tiền cho ông Nguyễn Văn C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, Điều 147; Điểm c khoản 1 Điều 192; Điều 200; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các Điều 116; 463; 465; 466; 468; 357 BLDS năm 2015. Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 26/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xử:

*** Xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C đối với anh Trương Công S, chị Phùng Thị P.

Buộc anh Trương Công S, chị Phùng Thị P phải trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền 362.655.180đ (*Ba trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn một trăm tám mươi đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật *(đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án)* hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án*(đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án)* bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm trả.

+ Về án phí: Anh Trương Công S, chị Phùng Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 18.132.759đ (*Mười tám triệu, một trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm năm chín đồng*).

+ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoan

ơi nhận:
-*TAND T.P Hà Nội.*
-*VKSND huyện Ba Vì.*
-*Chi cục T.H.A huyện Ba Vì.*
- *Các đương sự*
- *Lưu*